TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2019/HS-ST
Ngày 03-4-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Huy Vĩnh

Bà Vũ Thị Minh Nguyệt.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Phạm Ngọc Anh – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 18/2019/TLST-HS ngày 22 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2019/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 180/2019/HSST-QĐ ngày 26 tháng 3 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Đức T, sinh ngày 16/7/1975 tại Hải Phòng. ĐKHKTT: Số 102/143 Tôn Đức T, phường AD, quận LC, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Số 25 tổ 2 tập thể 3 tầng Nam Pháp 1, phường ĐG, quận NQ, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức S và bà Bùi Thị T1; có vợ là Nguyễn Thị Kim V; chưa có con; nhân thân: Án số 46/HSST ngày 17/4/2002 Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xử phạt 9 tháng tù tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 03/10/2018 đến ngày 09/10/2018 chuyển tạm giam; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Xuân Tứ – Luật sư Văn phòng Luật sư 13-5 thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người làm chứng và người chứng kiến: Chị Nguyễn Thị Kim V, ông Nguyễn Văn H; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 22 giờ 10 phút ngày 02/10/2018, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố Hải Phòng bắt quả tang Nguyễn Đức T có hành vi cất giấu ma túy tại Phòng 506 khách sạn Cảnh Hưng ở số 75 Quang Trung, phường PBC, quận HB, thành phố Hải Phòng. Thu giữ tại giường ngủ của T 01 túi nilon chứa 02 viên nén hình trụ màu trắng có logo hình hộp thư. Thu giữ tại gầm kệ để tivi 01 túi nilon chứa 02 viên nén hình trụ màu đỏ. Ngoài ra còn thu giữ 01 điện thoại di động và 10.000.000 đồng của T.

Khám xét khẩn cấp chỗ ở đối với T tại phòng 506 khách sạn Cảnh Hưng thu giữ:

- Trong tủ quần áo: 03 túi nilon chứa tinh thể màu trắng; 1 túi xách có 01 hộp giấy bên trong chứa 03 túi nilon chứa tinh thể màu trắng, 01 túi nilon chứa 07 viên nén màu hồng có chữ WY, 05 viên nén màu xám có logo hình kim cương.

- Dưới gầm kệ tivi: 01 túi nilon màu xanh ghi chữ Sơn Thủy có 2 túi nilon chứa tinh thể màu trắng, 02 túi nilon chứa các viên nén màu hồng có chữ WY, 01 cân điện tử.

- Sau tivi 01 bình xịt có chữ NATO.

- Thu trên nóc tủ quần áo 01 cân điện tử.

Tại các Kết luận giám định số 535/KLGĐ(Đ6) ngày 08/10/2018 và số 578/KLGĐ(Đ6) ngày 28/10/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng đã xác định các viên nén, tinh thể thu giữ khi bắt quả tang và tại nơi ở của Nguyễn Đức T có tổng số 49,86 gam Methamphetamine; 13,04 gam Ketamine; 1,13 gam MDMA; 0,76 MDA.

Tại Cơ quan Công an: Nguyễn Đức T khai nhận cách ngày bị bắt khoảng 1 tháng, T đến đường tàu Mê Linh mua số ma túy trên của một người đàn ông tên là H1 (không biết lai lịch địa chỉ) với số tiền 11.800.000 đồng. T mang ma túy về phòng 506 khách sạn Cảnh Hưng để sử dụng. Khoảng 22 giờ 10 ngày 02/10/2018, T đang ở phòng 506 với vợ là Nguyễn Thị Kim V thì Cơ quan Công an vào kiểm tra, thu giữ toàn bộ số ma túy của T như trên. T khai tiền T mua ma túy và 10.000.000 đồng thu giữ của T là do ông Nguyễn Đức S (bố đẻ của T) cho T.

Nguyễn Thị Kim V khai: T thuê phòng 506 khách sạn Cảnh Hưng ở để sửa nhà. T thường xuyên ở tại khách sạn Cảnh Hưng, V thỉnh thoảng qua chơi với T. Ngày 01/10/2018, V đến phòng 506 ngủ lại với T thì Cơ quan Công an kiểm tra, thu giữ ma túy trong phòng như trên. V không biết số ma túy thu giữ T mua của ai, từ bao giờ.

Ông Nguyễn Đức S (bố đẻ của Thắng) khẳng định số tiền 10 triệu đồng Cơ quan Công an thu giữ và tiền T mua ma túy không phải tiền của ông Sang. Ông Sang không cho tiền T.

Kiểm tra điện thoại thu giữ của T trong phần tin nhắn có nhiều nội dung thể hiện việc giao dịch mua bán chất ma túy.

Kiểm tra điện thoại thu giữ của Nguyễn Thị Kim V: Phần Ghi chú có rất nhiều nội dung thể hiện số lượng ma túy các loại (gồm Ketamine, Methamphetamine, hồng phiến, thuốc lắc) và tiền liên quan đến việc mua bán ma túy. V khai V không phải là người ghi nội dung ghi chú, chiếc điện thoại này do T mua tặng V, T có mượn V để sử dụng. T khai T là người sử dụng điện thoại của V ghi nội dung ghi chú tiền và số ma túy T mua để sử dụng.

Về vật chứng: Quá trình điều tra Cơ quan Công an có thu giữ 01 chiếc xe mô tô BKS 15B2-889.38 do Nguyễn Đức T để tại khách sạn Cảnh Hưng. Qua xác minh chiếc xe trên mang tên anh Nguyễn Văn T2 ở tổ 1, phường BS, quận KA, thành phố Hải Phòng, anh Thụy khai đã bán cho một người đàn ông không rõ lai lịch địa chỉ, Nguyễn Đức T khai chiếc xe là do Q - bạn T (không rõ lai lịch địa chỉ) gửi T trước khi T bị bắt hai tháng chưa đến lấy. Do chưa xác định được chủ sở hữu hợp pháp của chiếc xe mô tô BKS 15B2-889.38 là ai nên Cơ quan điều tra tách ra làm rõ xử lý sau.

Những vật chứng gồm ma túy, tiền, điện thoại và những tài sản khác thu giữ của Nguyễn Đức T chuyển Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng chờ xử lý.

Tại bản Cáo trạng số 22/CT-VKS-P1 ngày 21 tháng 01 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo Nguyễn Đức T về tội "Mua bán trái phép trái phép chất ma túy" theo điểm h khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo khai: Số ma túy Công an thu giữ ở phòng 506 khách sạn Cảnh Hưng là do H1 nhờ bị cáo giữ hộ, trong túi ma túy đã có sẵn cân điện tử. Bị cáo chỉ cất giữ hộ, không phải tàng trữ ma túy để nhằm mục đích mua bán. Bị cáo T có mượn điện thoại của Nguyễn Thị Kim V – vợ T để xem các chương trình trên mạng, nhưng T không viết gì vào phần Ghi chú, những nội dung ghi chú có thể do bạn bè của vợ chồng T đến chơi mượn điện thoại và ghi vào. Các tin nhắn ở điện thoại của T có nội dung liên quan đến ma túy đều là các tin nhắn đến, T không biết về các nội dung đó. Sở dĩ ở Cơ quan điều tra T khai nhận tội vì có Điều tra viên bảo nếu T không nhận thì vợ của T – Nguyễn Thị Kim V sẽ phải chịu trách nhiệm; nhưng T không khai được tên của Điều tra viên và không có bằng chứng nào chứng minh. Về số tiền 10.000.000 đồng, đây là tiền ông S – bố T cho T để sửa nhà, ông S khai ông không cho T tiền vì ông S sợ liên lụy.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung Cáo trạng. Tại phiên tòa, tuy bị cáo không nhận việc tàng trữ ma túy để mua bán kiếm lời, nhưng căn cứ vào lời khai của Nguyễn Thị Kim V, tin nhắn thể hiện việc mua bán ma túy trong điện thoại của T; các thông tin về tiền, ma túy T ghi trong điện thoại của V phù hợp với vật chứng thu giữ, kết quả giám định là số lượng ma túy trong các túi gồm nhiều loại và dụng cụ để mua bán ma túy là 02 chiếc cân điện tử thu giữ của T, đủ cơ sở khẳng định hành vi của bị cáo T đủ yếu tố cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tuy bị cáo T không khai nhận về hành vi mua bán, nhưng tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận về số ma túy Công an thu giữ được, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo T được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Thành khẩn khai báo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bố bị cáo – ông Nguyễn Đức S còn có Đơn xác nhận việc bị cáo có chú ruột Nguyễn Đức P là Liệt sỹ (có xác nhận của chính quyền địa phương) và cung cấp Bản sao giấy Tổ quốc ghi công, Huân chương kháng chiến hạng Ba của ông P, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo. Căn cứ vào tính chất của vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm h khoản 3, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt: Nguyễn Đức T từ 16 – 17 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Phạt tiền bị cáo T từ 10.000.000 – 15.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo nêu quan điểm: Không đồng tình với tội danh mà Viện kiểm sát đề nghị. Những căn cứ mà cơ quan tiến hành tố tụng dùng để kết, định tội bị cáo chưa đủ vững chắc, bao gồm: lời khai của Nguyễn Thị Kim V; các tin nhắn liên quan đến mua bán ma túy trong điện thoại của T, của V; Kết luận giám định và việc thu giữ 2 cân điện tử. Điện thoại là phương tiện dùng để giải trí, không phải là phương tiện để giao dịch, tin nhắn trong điện thoại là tự động lưu, không phải do bị cáo lưu, hơn nữa các tin nhắn đó toàn là tin nhắn đến. Đối với chiếc điện thoại của Nguyễn Thị Kim V – vợ bị cáo là do T mua tặng V, vợ chồng có thể dùng chung điện thoại của nhau, căn cứ vào lời khai của V để kết tội T là không khách quan. Kết luận giám định chỉ khẳng định khối lượng và loại ma túy, về nội dung này bị cáo đã khai nhận thành khẩn. Về 2 chiếc cân điện tử bị thu giữ, đây là loại cân thông dụng, phổ biến ngoài xã hội, ai cũng có thể mua được. Như vậy, những chứng cứ mà Kiểm sát viên đưa ra là những chứng cứ gián tiếp, không đủ cơ sở chứng minh bị cáo có hành vi mua bán, nghĩa vụ chứng minh tội phạm thuộc về cơ quan tiến hành tố tụng. Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét

xử chỉ kết tội bị cáo về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm h khoản 3 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, người bào chữa đồng tình với Kiểm sát viên về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng đối với bị cáo.

Bị cáo tranh luận đối với luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng: Bị cáo không mua bán ma túy.

Bị cáo có lời nói sau cùng: Bị cáo mua ma túy về chỉ để sử dụng, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng mức án nhẹ nhất , bị cáo còn bố mẹ già, và phải đi tìm mộ Liệt sỹ của chú bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hải Phòng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại phiên tòa, bị cáo khai có Điều tra viên bảo bị cáo nếu không khai nhận tội thì vợ bị cáo – Nguyễn Thị Kim V phải chịu trách nhiệm, nhưng bị cáo không khai được tên của Điều tra viên và không có bằng chứng nào chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận ý kiến này của bị cáo. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, Nguyễn Đức T khai nhận rõ đặc điểm, số lượng ma túy bị Công an thu giữ ở phòng 506 khách sạn Cảnh Hưng vào ngày 02/10/2018. Mặc dù T chỉ thừa nhận mua ma túy để sử dụng, nhưng căn cứ vào lời khai của T tại Cơ quan điều tra, thể hiện:

[3] Biên bản hỏi cung bị can hồi 09 giờ 00 phút ngày 18/12/2018 có mặt luật sư Nguyễn Xuân Tứ (bút lục số 165 – 166), bị cáo T khai: "Nội dung phần ghi chú trong chiếc điện thoại Iphone tôi mượn của vợ tôi sử dụng là do tôi ghi chú".

[4] Biên bản hỏi cung bị can hồi 08 giờ 50 phút ngày 25/12/2018 có mặt Kiểm sát viên và luật sư (bút lục số 167 – 170), bị cáo khai: "Nội dung phần ghi chú trong điện thoại Iphone màu trắng tôi mượn của vợ tôi sử dụng là do tôi ghi chú, tôi ghi số tiền và số ma túy tôi đã khai với Cơ quan Công an".

[5] Biên bản ghi lời khai hồi 15 giờ 00 phút ngày 03/10/2018 có mặt của Kiểm sát viên (bút lục 189), chị Nguyễn Thị Kim V khai: Khi chị không có mặt ở khách sạn thì chị sử dụng điện thoại. Khi chị đến khách sạn ở với bị cáo thì bị cáo

sử dụng điện thoại. Thỉnh thoảng chị có để điện thoại lại cho bị cáo sử dụng. Những nội dung trong phần Ghi chú không phải do chị viết.

[6] Do đó, khẳng định bị cáo T là người viết các nội dung ghi chú trong điện thoại của Nguyễn Thị Kim V. Việc bị cáo khai tại phiên tòa những nội dung ghi chú do bạn bè của vợ chồng bị cáo đến chơi viết vào là không có căn cứ.

[7] Phần Ghi chú trong điện thoại có nhiều nội dung liên quan đến ma túy (Bút lục 75 – 86), cụ thể:

- Ngày 24/9/2018: "Tùng thành: 2muoi"

- Ngày 24/9/2018:

"Pt:+10tr.

Tp:35kim cuong+2lv+6,5g muoi.

37x27+(6,5x15)"

- Ngày 22/9/2018: "TM:45 muối=58.500.

200 kẹo=47.000

105.500-90.000=-15.500."

- Ngày 02/10/2018:

"MuoiQA:22,43g

MuoiH:8,95g

tổng=31,38-1,38(bì)=30g(45tr)

Kim cuong:154

Bì thư 408c

Muoi hạt:63,72 (đã xong)"

[8] Tại Biên bản hỏi cung bị can hồi 08 giờ 35 phút ngày 06/12/2018 (bút lục 163-164), bị cáo đã giải thích rõ: "muối tức là ma túy ketamin, muối hạt là ma túy ketamin, kim cương là thuốc lắc (ma túy tổng hợp, trên mặt các viên đều in hình viên kim cương); bì thư cũng là thuốc lắc (ma túy tổng hợp trên mặt có in hình phong thư)".

[9] Theo bị cáo khai tại Biên bản hỏi cung bị can hồi 08 giờ 45 phút ngày 26/10/2018 có mặt Luật sư Nguyễn Xuân Tứ (bút lục 161 – 162): "Tôi ghi chú trong điện thoại Iphone để tôi nhớ số tiền tôi vay lãi và ghi chú việc tôi lấy ma túy gồm ma túy đá, thuốc lắc, ketamine để tôi sử dụng". Tuy nhiên, việc bị cáo khai sử dụng là không có căn cứ, bởi lẽ:

[10] Biên bản ghi lời khai hồi 08 giờ 45 phút ngày 05/10/2018 có mặt Kiểm sát viên (bút lục số 153), bị cáo khai tối ngày 29/9/2018, bị cáo đã lấy 35 kim

cương (thuốc lắc), 2lv (2 gam ma túy đá), 6,5 gam muối (ketamin) trong số ma túy mua của H1 trước đó mang đi chơi và sử dụng hết một mình.

[11] Tại phiên tòa, bị cáo khai chỉ sử dụng được 1 loại ma túy vào 1 thời điểm, nhiều nhất chỉ có thể sử dụng 2 loại là tối đa.

[12] Như vậy, lời khai của bị cáo về việc một tối ngày 29/9/2018 có thể sử dụng hết 35 kim cương (thuốc lắc), 2lv (2 gam ma túy đá), 6,5 gam muối (ketamin) là vô lý.

[13] Từ các phân tích trên, khẳng định lời khai của Nguyễn Đức T phù hợp với lời khai của Nguyễn Thị Kim V, tin nhắn thể hiện việc mua bán ma túy trong điện thoại của T; các thông tin về tiền, ma túy T ghi trong điện thoại của V phù hợp với vật chứng thu giữ, kết quả giám định là số lượng ma túy trong các túi gồm nhiều loại và dụng cụ để mua bán ma túy là 02 chiếc cân điện tử thu giữ của T có đủ cơ sở xác định: Nguyễn Đức T đã mua 49,86 gam Methamphetamine; 13,04 gam Ketamine; 1,13 gam MDMA; 0,76MDA với mục đích sử dụng và bán kiếm lời. Ngày 02/10/2018, T cất giấu ma túy tại Phòng 506 khách sạn Cảnh Hưng (địa chỉ: Số 75 Quang Trung, phường PBC, quận HB, thành phố Hải Phòng) thì bị Cơ quan Công an bắt quả tang cùng vật chứng như trên. Do đó, hành vi của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Mua bán trái phép trái phép chất ma túy", tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 251 Bộ luật Hình sự. Không có căn cứ chấp nhận quan điểm của người bào chữa cho bị cáo về việc bị cáo chỉ phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

[14] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma tuý mà còn xâm phạm trật tự trị an xã hội.

[15] *Về tình tiết định khung hình phạt:* Xét thấy trong vụ án này, có 04 chất ma túy là Methamphetamine; Ketamine; MDMA; MDA không được quy định trong cùng một điểm thuộc các khoản của Điều 251 Bộ luật Hình sự. Do đó, căn cứ vào Nghị định số 19/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định về việc tính tổng khối lượng hoặc thể tích chất ma túy tại một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2015 để xác định điều khoản truy tố đối với bị cáo.

[16] Bị cáo T có hành vi mua bán trái phép 49,86 gam Methamphetamine; 13,04 gam Ketamine; 1,13 gam MDMA; 0,76 MDA. Vì khối lượng của cả bốn chất ma túy đều dưới mức tối thiểu đối với từng chất đó theo quy định tại khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự và khối lượng Methamphetamine thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự, vì vậy sẽ áp dụng quy định tại khoản 4 Điều 5 của Nghị định 19 để tính tổng khối lượng của các chất ma túy như sau:

[17] + Tỷ lệ phần trăm về khối lượng của Methamphetamine so với mức tối thiểu đối với Methamphetamine được quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự là 49,86 : 100 = 49,86%.

[18] + Tỷ lệ phần trăm về khối lượng của MDMA so với mức tối thiểu đối với MDMA được quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự là 1,13 : 100 = 1,13%.

[19] + Do khối lượng Ketamine, MDA đều được quy định trong cùng một điểm, khoản nên tỷ lệ phần trăm về khối lượng của Ketamine, MDA so với mức tối thiểu đối với Ketamine, MDA được quy định tại điểm e khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự là (13,04 + 0,76) : 300 = 4,6%

[20] Tổng tỷ lệ phần trăm về khối lượng của cả bốn chất ma túy là: 49,86% + 1,13%+ 4,6% = 55,59% (thuộc trường hợp dưới 100%).

[21] Vì tổng tỷ lệ phần trăm về khối lượng của Methamphetamine, MDMA, Ketamine, MDA so với mức tối thiểu đối với từng chất đó được quy định tại khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự là dưới 100% nên tổng khối lượng của Methamphetamine, MDMA, Ketamine, MDA trong trường hợp này chỉ thuộc trường hợp quy định tại điểm h khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự, cụ thể: *"h) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản này"*.

[22] Do đó, bị cáo Nguyễn Đức T bị xét xử về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm h khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự như Kiểm sát viên đề nghị tại phiên tòa là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[23] Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Mặc dù bị cáo không khai nhận mục đích mua ma túy để bán, tuy nhiên căn cứ vào lời khai của bị cáo về nội dung tin nhắn đã làm cơ sở để Cơ quan điều tra nhanh chóng xác định sự thật khách quan của vụ án nên Hội đồng xét xử đánh giá bị cáo cũng đã thành khẩn khai báo, cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo T. Bị cáo T có chú ruột là Liệt sỹ nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[24] Căn cứ vào tính chất vụ án, mức độ hành vi của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải bắt bị cáo cách ly ngoài đời sống xã hội một thời gian mới có đủ điều kiện giáo dục bị cáo đồng thời có tác dụng răn đe kẻ khác và phòng ngừa tội phạm.

[25 *Về hình phạt bổ sung:* Theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền; Hội đồng xét xử xét thấy việc mua bán

ma túy của bị cáo T để kiếm lợi nhuận nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo T để sung quỹ Nhà nước.

Về xử lý vật chứng:

[26] Đối với số ma túy còn lại sau giám định và 01 cân điện tử dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy;

[27] Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng; 01 điện thoại di động màu xanh đen, mặt trước và sau có ghi chữ VIETEL; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA xanh đen: Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận điện thoại VIETEL và điện thoại Nokia là của bị cáo. Xét thấy các điện thoại này đều dùng vào việc phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[28] Đối với 02 cân điện tử đã cũ, 01 bình xịt hơi cay trên có chữ NATO; 01 chai nhựa đều không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[29] Đối với 10.000.000 đồng thu giữ của bị cáo. Bị cáo khai là tiền của bố bị cáo – ông Nguyễn Đức S cho bị cáo, nhưng ông S khẳng định 10.000.000 đồng không phải của ông S, ông S không cho tiền bị cáo nên Hội đồng xét xử nhận định đây là tiền do bị cáo bán ma túy mà có, nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[30] Đối với Nguyễn Thị Kim V, sinh năm 1975, ở số 25 Tổ 2 Tập thể 3 tầng Nam Pháp 1, phường ĐG, quận NQ, thành phố Hải Phòng là người cho T mượn điện thoại sử dụng, nhưng không biết việc T dùng để ghi chú mua bán ma túy nên không có căn cứ để truy cứu tránh nhiệm hình sự đối với Nguyễn Thị Kim V.

[31] Trong vụ án này còn có người đàn ông tên là H1 bán ma túy cho Nguyễn Đức T tại đường tàu Mê Linh. Nhưng do T khai không biết lai lịch địa chỉ của Hùng, vì vậy Cơ quan điều tra không có cơ sở điều tra làm rõ để xử lý.

[32] *Về án phí và quyền kháng cáo đối với Bản án:* Bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo Bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm h khoản 3, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt: Nguyễn Đức T 16 *(Mười sáu)* năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Thời hạn tù tính từ ngày 03/10/2018. Phạt tiền bị cáo T 10.000.000 *(Mười triệu)* đồng sung quỹ Nhà nước.

2. *Về xử lý vật chứng:* Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên:

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 *(Một)* hộp giấy dán kín có dấu niêm phong số 578/2018/PC09; 02 *(Hai)* cân điện tử đã cũ, 01 *(Một)* bình xịt hơi cay trên có chữ NATO; 01 *(Một)* chai nhựa.

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 *(Một)* điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng; 01 *(Một)* điện thoại di động màu xanh đen, mặt trước và sau có ghi chữ VIETEL; 01 *(Một)* điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA xanh đen và số tiền 10.000.000 *(Mười triệu)* đồng.

(Đặc điểm chi tiết thể hiện theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 21/01/2019 và Biên lai thu tiền số AA/2014/0001406 ngày 21/01/2019 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng).

3. *Về án phí:* Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Căn cứ vào Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Nguyễn Đức T phải nộp 200.000 *(Hai trăm nghìn)* đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo:* Bị cáo được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 *(mười lăm)* ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Vụ 1 – TANDTC;
- TANDCC; VKSNDCC;
- VKSND TP Hải Phòng;
- PV27 Công anTP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TPHP;
- Bị cáo; Trại tạm giam;
- Người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV và THA;
- Lưu: HS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thanh Bình